

Bản án số:261/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2021
V/v tranh chấp “*Ly hôn, nuôi
con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhân
2. Ông Trịnh Văn Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: không tham gia.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 355/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 về việc tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 405/2021/QĐXXST -DS ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị T. E, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp Mỹ T, thị trấn M.L, huyện C.M, tỉnh An Giang. (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp M.T, thị trấn M.L, huyện C.M, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày, chỉ và ông H quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2014, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định tại thị trấn M.L, huyện C.M, tỉnh An giang vào ngày 11/11/2014. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu do không tôn trọng nhau, thường xuyên mâu thuẫn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, sống ly thân từ thời điểm

đó cho đến nay; từ thời điểm đó chị T.E về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không còn sống cùng cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh Trần Quốc H.

- Về con chung: có 05 con chung tên Trần Thị Tường V, sinh năm 2010, Trần Thị Yến V1, sinh năm 2013; Trần Thị Ngọc V2, sinh năm 2014; Trần Thị Nhã V3, sinh năm 2017; Trần Ngọc Khánh V4, sinh năm 2020. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi các con chung, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Sổ hộ khẩu (bản sao); 05 Giấy khai sinh (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Biên lai nộp tạm ứng án phí ngày 29/6/2021; Đơn từ chối hòa giải theo thủ tục luật hòa giải đối thoại và yêu cầu giải quyết theo thủ tục Bộ luật tố tụng dân sự; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của nguyên đơn, ngày 29/6/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải để động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng phía bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập nên không thể tiến hành hòa giải được; anh H cũng không có ý kiến phản hồi đối với các nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị T.E.

Tại phiên tòa, chị Võ Thị T.E và anh Trần Quốc H đều vắng mặt, chị T.E có cung cấp đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện: xin ly hôn với anh H, có nguyện vọng yêu cầu tiếp tục nuôi 05 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Bị đơn Trần Quốc H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, nguyện vọng nuôi con chung được xác định là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Trần Quốc H, sinh năm 1982 nơi cư trú tại địa bàn huyện C.M, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện C.M, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, chị T.E, anh H đều vắng mặt. Trong đó, chị T.E có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.E, anh H theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp:

Chị T.E, anh H quen biết, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tự tìm hiểu, không ai lừa dối hay ép buộc, cả hai có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân:

Chị T.E, anh H thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và không còn sống chung từ đầu năm 2021 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh H nhưng anh H không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T.E nên có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị T.E, anh H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.E đối với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Vợ chồng có 05 con chung tên Trần Thị Tường V, sinh năm 2010, Trần Thị Yến V1, sinh năm 2013; Trần Thị Ngọc V2, sinh năm 2014; Trần Thị Nhã V3, sinh năm 2017; Trần Ngọc Khánh V4, sinh năm 2020. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi các con chung; ý kiến của các cháu Trần Thị Tường V, sinh năm 2010, Trần Thị Yến V1, sinh năm 2013 có nguyện vọng sống với mẹ; chị T.E không yêu cầu anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau thời điểm ly thân, các con chung sống với chị T.E phát triển bình thường, ổn định về mọi mặt, cháu Tường V1, Yến V2 có ý kiến sống cùng với mẹ, các cháu N.V3, Khánh V4 còn rất nhỏ. Do đó, để ổn định cuộc sống cho các cháu, để các cháu tiếp tục sống cùng mẹ; chị T.E sẽ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; do anh H không có ý kiến phản hồi về yêu cầu nuôi con, về cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T.E xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị T.E phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T.E.

1. Về hôn nhân:

Chị Võ Thị T.E được ly hôn với anh Trần Quốc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2014, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn M.L, huyện C.M, cấp ngày 11 tháng 11 năm 2014 cho chị Võ Thị T.E và anh Trần Quốc H, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao các con chung tên Trần Thị Tường V, sinh năm 2010, Trần Thị Yến V1, sinh năm 2013; Trần Thị Ngọc V2, sinh năm 2014; Trần Thị Nhã V3, sinh năm 2017; Trần Ngọc Khánh V4, sinh năm 2020 cho chị Võ Thị T.E tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Trần Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Chị Võ Thị T.E phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009703 ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; chị T.E đã nộp xong.

Anh Trần Quốc H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Chị Võ Thị T.E, anh Trần Quốc H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND TT. M.L, huyện C.M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong